

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN**

Bản án số: 56/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 15/7/2022.

(V/v: Ly hôn, nuôi con chung)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Bính.

2. Bà: Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 330/2021/TLST- HNGĐ ngày 22/12/2021 “V/v: Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐST – HNGĐ ngày 06/6/2022, theo quyết định hoãn phiên số 142/2022 ngày 29/6/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Thu A, sinh năm 1994.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1993.

Cùng nơi cư trú: thôn C, xã D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên toà có mặt các đương sự.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2021, bản tự khai ngày 29/12/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Trần Thị Thu A trình bày:

-Về quan hệ hôn nhân: bà và ông Nguyễn Thanh B tự tìm hiểu quen biết đến năm 2016 thì đi đến kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, cấp ngày 24/10/2016. Khi về chung sống với nhau, ông bà sống không có hạnh phúc, ông B thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về nhà kiếm chuyện gây gỗ, đánh đập bà, đuổi bà ra khỏi nhà. Nhiều năm qua bà cố nhẫn nhịn chung sống để lo cho con cái nhưng đến nay ông B vẫn không thay đổi và bà không còn sức để chịu đựng. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên bà làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Thanh B.

- Về con chung: có con chung tên Nguyễn Hoàng Mai E, sinh ngày 25/12/2018. Bà yêu cầu được nuôi con, ông B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 2.000.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, bà A trình bày: bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với ông Nguyễn Thanh B vì vợ chồng đã sống ly thân thời gian từ tháng 7/2021 cho đến nay nên không còn tình cảm nữa. Về con chung: bà yêu cầu nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con bà không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai ngày 07/02/2022 đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: ông và bà Trần Thị Thu A kết hôn ngày 24/10/2016 tại UBND xã D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Sau đó vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ của ông B. Khi chung sống, vợ chồng có phát sinh một số mâu thuẫn liên quan đến công việc, đời sống cá nhân bà A. Tuy nhiên vì con, và còn có tình cảm với vợ và được bố mẹ ông khuyên ngăn nên ông đã cố gắng duy trì cuộc sống hôn nhân của ông bà, mong muốn cuộc sống hôn nhân của ông bà có thể tiếp tục để cùng nhau chăm sóc cho con, ông không có đánh bà A. Khoảng tháng 7/2021, bà A bỏ đi nơi khác sinh sống không sống cùng với ông nữa. Trong quá trình giải quyết ông B đồng ý ly hôn vì nghĩ níu kéo cũng không có kết quả.

- Về con chung: có con chung tên Nguyễn Hoàng Mai E, sinh ngày 25/12/2018. Hiện cháu E đang ở với bà A do bà A cảm cản việc ông thăm con nên ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hoà giải ngày 06/6/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh B thuận tình ly hôn.

Về con chung: có 1 con chung tên Nguyễn Hoàng Mai E, sinh ngày 25/12/2018. Nguyên vọng cả hai ông bà đều yêu cầu nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vụ án hoà giải không thành.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận và đối đáp, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, của những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ Luật tố tụng dân sự quy định và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh B. Về con chung: giao cháu Nguyễn Hoàng Mai E, sinh ngày 25/12/2018 cho bà A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, bà A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Về tài sản chung và nợ chung: bà A ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: thẩm quyền giải quyết vụ án, phía bị đơn ông Nguyễn Thanh B có nơi cư trú tại thôn C, xã D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ theo quy định tại khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Thu A về việc “Ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

[2]Về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh B là hợp pháp vì ông bà chung sống có đăng ký kết hôn vào ngày 24/10/2016 tại UBND xã D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 78/2016. Theo bà A, ông B khai trong quá trình chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên gây gổ cãi nhau. Nay bà A làm đơn yêu cầu ly hôn thì ông B đồng ý. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh B là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận này.

[2.2]Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Mai E, sinh ngày 25/12/2018. Cả hai ông bà đều có nguyện vọng được nuôi con sau khi ly hôn. Tại phiên tòa, ông B trình bày bà A hiện nay ở nhà trọ không đảm bảo điều kiện nuôi con, và cấm cản việc thăm con của ông nhưng ông B không đưa ra được chứng cứ chứng minh gì. Đối với bà A hiện nay vẫn đang nuôi con tốt, mặt khác hiện nay cháu E đang ở với mẹ có cuộc sống ổn định, hơn nữa cháu E là con gái nên tiếp tục giao cho bà A nuôi dưỡng là có cơ sở. Đối với cấp dưỡng nuôi con bà A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]Về tài sản chung và nợ chung: bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]Về án phí: bà Trần Thị Thu A tự nguyện nộp thay án phí thuận tình ly hôn cho ông B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 01 Điều 28, điểm a khoản 01 Điều 35, điểm a khoản 01 Điều 39, Điều 91 Điều 235 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Thu A và ông Nguyễn Thanh B.

2/Về con chung: giao con Nguyễn Hoàng Mai E, sinh ngày 25/12/2018 cho bà Trần Thị Thu A tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Ông B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3/Về tài sản chung và nợ chung: Bà A, ông B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Thu A tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình. Bà A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 0004175 ngày 22/12/2021 của E cục thi hành án dân sự Thành phố Phan Thiết, hoàn lại cho bà A 150.000.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/7/2022).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP. Phan Thiết;
- Chi cục THADS TP. Phan Thiết;
- UBND xã D, Phan Thiết;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

VŨ THỊ THU HÀ